

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS - ST
Ngày 29 - 4 - 2022
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Văn Vệ.

Bà Lê Thị Thu Trà.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên toà ông Nguyễn Tấn Đ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 02; ngày 30 tháng 3 và ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST- DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 01 năm 2022; thông báo thay đổi ngày xét xử số 05/TB – TA ngày 20 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST – DS ngày 27/01/2022; Quyết định tạm ngừng phiên toà số 10/2022/QĐST – DS ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Thông báo thời gian tiếp tục phiên toà số: 38/TB – TA ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1961.

Cư trú tại: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

1/ Chị Lý Thanh T, sinh năm 1985.

Cư trú tại: Ấp K, xã Đ, huyện Ng, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2/ Anh Lý Thành L, sinh năm 2001.

Cư trú tại: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (theo văn bản uỷ quyền ngày 23 tháng 02 năm 2021) (vắng mặt khi tuyên án).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Kiều Anh V luật sư thuộc Công ty luật TNHH K, đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Tầng B, số B, đường N, phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Chị Lý Kim T, sinh năm 1980.

Cư trú tại: Ấp M, xã Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau (có mặt)

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Chị Thi Ngọc H, sinh năm 1996; Cư trú tại: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo văn bản uỷ quyền ngày 23 tháng 11 năm 2021) (vắng mặt khi tuyên án).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

1/ Luật sư Lê Anh T – Văn phòng luật sư Lê Anh T. Địa chỉ: Số M, đường N, khóm T, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt khi tuyên án).

2/ Luật sư Phạm Minh T– Văn phòng luật sư T. Địa chỉ: Số H, đường M, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt khi tuyên án).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Huỳnh Kim H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

2/ Anh Lý Thanh L, sinh năm 1982 (vắng mặt).

3/ Chị Nguyễn Mỹ P, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau

4/ Ông Lý Văn T, sinh năm 1956 (vắng mặt khi tuyên án)

5/ Ông Tô Bá P, sinh năm 1975 (vắng mặt).

6/ Bà Nguyễn Ngọc U, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau

Đại diện theo uỷ quyền của anh Tô Bá P: Chị Thi Ngọc H, sinh năm 1996. Cư trú tại: Ấp, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (theo văn bản uỷ quyền ngày 23 tháng 11

năm 2021) (vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Vào khoảng tháng 10/2018 tôi có tham gia chơi hội do chị H làm chủ hội. Sau đó khi tôi bị bệnh con tôi Lý Thành L hốt các chứng hội do tôi tham gia do chị H là con dâu của tôi. Do biết con tôi hốt hội có tiền nên chị Lý Kim T nói tôi còn nợ chị T số tiền 500.000.000 đồng nên buộc con tôi Lý Thành L giao trả tiền thay cho tôi. Con tôi do tin tưởng và chị T gây áp lực nên Lý Thành L đã đưa số tiền 500.000.000 đồng cho chị T, chị T là con tôi là chế thứ hai của L. Sau đó tôi khoẻ lại nói không có nợ nên yêu cầu chị T trả lại số tiền 500.000.000 đồng. Chị Lý Thanh T trình bày: Trong quá trình mẹ tôi bị bệnh có giao chìa khoá nhà lại cho chị T để đưa lại cho bà U, tuy nhiên sau đó sau đó chị T tự ý mở tủ sắt lấy tổng số tiền 400.000.000 đồng. Nay tôi được mẹ tôi uỷ quyền yêu cầu chị T trả lại số tiền 400.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu bị đơn chị T trả là 900.000.000 đồng. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thống nhất theo nội dung đơn khởi kiện mà nguyên đơn yêu cầu cũng như đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị T, anh L trình bày. Tuy nhiên đối với nội dung yêu cầu về phần tiền 400.000.000 đồng mà chị T đang giữ tôi có ý kiến như sau: Khi bà S gửi chìa khoá tủ đựng tiền lại cho chị T giữ thì tôi xác định trong tủ còn hơn 400.000.000 đồng. Khi bà S bị bệnh thì chị T mở tủ đưa cho anh L (anh thứ 3 trong gia đình) 100.000.000 đồng để đi đưa cho bà S đi trị bệnh tuy nhiên anh L không đưa kịp sau đó về giao lại cho chị T. Chị T quản lý, giữ số tiền trên. Việc chị T cho rằng có đưa lại cho bà Nguyễn Ngọc U là em ruột của bà S số tiền 130.000.000 đồng là không có. Chị T cho rằng tổng số tiền bà S giao cho chị quản lý lúc đó là 430.000.000 đồng thì không xác định cụ thể được do tiền để trong tủ, chỉ xác định trên 400.000.000 đồng. Do đó chỉ yêu cầu đối với số tiền chị T, anh P quản lý yêu cầu trả lại 400.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu 2 khoản là 900.000.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của chị T, anh P thì không đồng ý theo yêu cầu của chị T, anh P do không có nợ tiền chị T và anh P.

Ý kiến trình bày của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Ngô Minh S trình bày: Đối với khoản tiền 400.000.000 đồng khi bà S đi vắng nhà sẽ gửi chìa khoá nhà và tiền cho chị T quản lý. Thông thường không kiểm đếm. Sau đó khi nghe mẹ bệnh chị T có lấy 100.000.000 đồng đưa cho anh L (em thứ 3 trong gia đình) chuyển cho mẹ trị bệnh tuy nhiên anh L không chuyển kịp nên có giao lại cho chị T 100.000.000 đồng. Sau đó xác định tiền mẹ gửi cho tôi trong tủ tổng cộng 430.000.000 đồng. Sau đó chị T có đưa lại cho bà Nguyễn Ngọc U số tiền 130.000.000 đồng và còn giữ và đồng ý trả lại 300.000.000 đồng cho bà S. Đối với số tiền 500.000.000 đồng xác định: Trước đây năm 2007 – 2008 trong quá trình làm hăng nước đá, ông T, bà S khi đó là vợ chồng thiếu vốn đầu tư, để việc sản xuất thuận lợi cần thêm khoản bốn tỷ đồng. Do đó ông T, bà S có mượn vợ chồng tôi số tiền 2,8 tỷ đồng để xây dựng hăng nước đá. Tuy nhiên việc sản xuất nước đá gặp khó khăn nên cần xây dựng thêm hăng nước lọc. Bà S đứng tên kinh doanh, trong đó lấy một phần nước lọc sản xuất nước đá còn một phần nước lọc giao cho vợ chồng tôi kinh doanh đối trừ số tiền 1,3 tỷ đồng còn lại nợ tôi số tiền 1,5 tỷ đồng. Số tiền tôi nhận 500.000.000 đồng từ tiền hụi là số tiền đối trừ ông T, bà S nợ tôi. Sau đó do nhu cầu sử dụng tiền nên tôi có yêu cầu bà S trả tiền khi đó bà S đang có yêu cầu chị H giao trả tiền hụi cho chị T. Tôi nhận tiền do chị Huỳnh Kim H làm chủ hụi đưa lại cho Nguyễn Mỹ P giao lại cho tôi. Sau khi đối trừ thì còn nợ lại tôi một tỷ đồng. Do đó số tiền tôi nhận 500.000.000 đồng tôi không đồng ý trả lại và tôi yêu cầu được đối trừ quyền nghĩa vụ trong việc thanh toán tiền với bà S. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T (ông T) thống nhất theo ý kiến trình bày của ông S. Chị T thống nhất theo ý kiến trình bày của ông S.

Anh Lý Thành L trình bày bổ sung: Đối với việc tham gia chơi hụi của chị H là do mẹ tôi tham gia, tuy nhiên chỉ đóng được hai lần thì mẹ tôi bệnh, tôi là người tiếp tục tham gia chơi và đóng hụi đến khi hụi mãn. Hụi 5.000.000 đồng không nhớ tham gia chơi bao nhiêu chân nhưng hốt được 1.169.500.000 đồng nhưng phải đóng hụi chết lại. Phần tiền này chị H giao cho chị T số tiền 500.000.000 đồng và nói đóng đúp hụi chết lại 550.000.000 đồng và chỉ đưa lại cho tôi 119.500.000 đồng.

Ý kiến trình bày của ông Lý Văn T: Đối với số tiền 400.000.0000 đồng nguyên đơn yêu cầu thì tôi xác định là tôi không biết về số tiền này. Đối với số tiền 500.000.000 đồng thì tôi có biết là do bà S nợ tiền của chị T trong khi bà S có tham

gia chơi hụi của chị H. Bà U là em của bà S và L hốt hụi bà T không cho, nếu hốt thì phải trả cho chị T, sau đó đồng ý trả 500.000.000 đồng cho chị T do bà S còn thiếu tiền chị Th. Ngoài ra khi xây dựng hăng nước đá thì bà S là người đứng ra xây dựng khoản năm 2009. Tuy nhiên do không đủ tiền nên tôi có nghe bà S nói lại là có mượn của vợ chồng chị T tổng cộng số tiền 2.800.000.000 đồng (chỉ nghe bà S nói lại với ông chứ ông không có trực tiếp chứng kiến việc mượn tiền và nhận tiền, theo ông biết thì cũng không có giấy tờ mượn tiền). Sau khi xây dựng hăng nước đá xong thì nguồn nước cung ứng làm nước đá không đảm bảo nên bà S mới xây dựng thêm hăng nước lọc để cung ứng một phần nước cho việc làm nước đá, phần còn lại kinh doanh bán nước lọc. Bà S là người đứng tên và đứng ra xây dựng hăng nước lọc. Sau đó bà S giao lại cho chị T và anh P quản lý hăng nước lọc và bán nước lọc tương ứng với 1.300.000.000 đồng. Như vậy còn nợ lại chị T, anh P 1.500.000.000 đồng. Việc kinh doanh của hăng nước đá và hăng nước lọc do bà S đứng ra trả tiền điện. Sau đó trả thêm 500.000.000 đồng từ tiền hốt hụi, do đó hiện nay còn nợ lại 1.000.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của chị T, anh P tôi đồng ý trả 500.000.000 đồng với điều kiện là tôi được phân chia tài sản với bà S do hiện nay tôi đang yêu cầu Tòa án cấp cao xem xét lại bản án giữa tôi và bà S, còn nếu tôi không được phân chia tài sản với bà S thì tôi không đồng ý trả mà bà S phải là người trả cho chị T, anh P.

Ngày 05 tháng 05 năm 2021 bị đơn chị Lý Kim Th và ông Tô Bá P có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu bà S và ông T trả số tiền một tỷ đồng.

Tại đơn xin xác nhận ngày 07 tháng 5 năm 2021 chị Nguyễn Mỹ Ph trình bày: Bà Lý Kim T có nhờ tôi làm đơn xác nhận số tiền 500.000.000 đồng. Do đó nay tôi làm đơn xác nhận với nội dung: Khoảng đầu năm 2020 bà Huỳnh Kim H có đưa tôi số tiền 500.000.000 đồng kêu tôi đem tiền đến nhà bà Lý Kim T đưa cho bà Lý Kim T và nói là tiền hụi của bà S hốt hụi trả cho bà T 500.000.000 đồng. Khi giao tiền bà T không có làm biên nhận cho tôi. Ngày 28 tháng 5 năm 2021 Chị Nguyễn Mỹ P có đơn xin vắng mặt thể hiện: Việc bà Nguyễn Ngọc S yêu cầu bà Lý Kim T trả 900.000.000 đồng và bà Lý Kim T và ông Tô Bá P trả một tỷ đồng tôi không biết.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 chị Huỳnh Kim H có đơn xin xác nhận thể hiện: Khi mẹ tôi bệnh nằm ở bệnh viện có điện thoại về cho tôi nói con T có kêu mẹ trả nợ

cho nó một ít để nó đóng tiền học phí cho con nó. Con cho mẹ hốt chân hụi của mẹ, con lấy 500.000.000 đồng tiền mẹ hốt hụi gửi trả cho con T, nói mẹ trả nợ cho nó. Tôi mới lấy 500.000.000 đồng tiền mẹ tôi hốt hụi đưa cho Nguyễn Mỹ P đến nhà chị T đưa cho chị T. Chị Lý Kim T nhờ tôi xác nhận nội dung 500.000.000 đồng tôi gửi cho chị T, nên tôi mới làm đơn xác nhận. Ngày 28 tháng 5 năm 2021 chị Huỳnh Kim H có đơn xin vắng mặt, vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 anh Lý Thanh L có đơn xin xác nhận thể hiện: Khi cha mẹ tôi xây hăng nước đá không đủ tiền nên có mượn vợ chồng chị Lý Kim T số tiền 2.800.000.000 đồng là có thật. Do mối quan hệ mẹ con nên chị T và anh P cho mượn tiền không có làm biên nhận. Khoản tiền 500.000.000 đồng là khoản tiền mẹ tôi trả nợ cho chị T, số tiền này mẹ tôi có điện về cho vợ tôi là Huỳnh Kim H, để mẹ hốt hụi trả nợ cho chị T. Khoản tiền mẹ tôi kiện chị Lý Kim T 400.000.000 đồng: Đây là khoản tiền do mẹ tôi đi công chuyện không có ở nhà, nên mẹ đem tiền qua gửi cho chị T giữ dùm, không phải chị T chiếm đoạt. Tôi đã chứng kiến chị Lý Kim T có hỏi mẹ tôi có cần tiền xài không chị T gửi lại tiền cho mẹ tôi, thì mẹ tôi kêu chị T giữ lại tiền để trừ nợ với chị T. Ngày 28 tháng 5 năm 2021 anh Lý Thanh L có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ quan điểm như đã trình bày .

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 bà Nguyễn Ngọc U có đơn xin vắng mặt thể hiện: Vào khoảng năm 2018 – 2019 tôi là người phụ giúp trực tiếp công việc cho bà S (bà S là chị ruột tôi) trong việc quản lý việc nhà và mua bán. Vào khoảng đầu năm 2019 thì bà S đi công việc có giao chìa khoá nhà, tủ tiền lại cho chị Lý Kim T quản lý (do chị T là con ruột của bà S). Bà S bị bệnh đột ngột phải chở đi Cà Mau trị bệnh lúc này chị T có mở tủ tiền để lấy tiền đưa cho Lý Thanh L (con bà S) 100.000.000 đồng để đi đưa cho bà S trị bệnh và giữ số tiền còn lại hơn 300.000.000 đồng. Tuy nhiên L không đưa kịp đi Cà Mau nên về giao lại cho chị T tiếp tục quản lý. Việc chị T cho rằng có giao lại cho tôi số tiền hơn 100.000.000 đồng là không có. Tôi xác định chị T không có đưa cho tôi quản lý số tiền nào cả mà chị T là người trực tiếp quản lý số tiền trên, tôi không nhớ rõ là bao nhiêu nhưng hơn 400.000.000 đồng. Bà S hiện nay yêu cầu chị T trả số tiền này theo tôi là phù hợp do chị T là người giữ số tiền này. Trong thời điểm bà S bị bệnh tôi có biết L (con bà S) có hốt hụi do chị H làm chủ hụi, tổng số tiền hụi hốt là 1.169.500.000 đồng. Trừ số tiền hụi chết bà S còn đóng lại 550.000.000

đồng còn lại được nhận 619.500.000 đồng. Chị H có đưa cho chị T số tiền 500.000.000 đồng. Theo tôi biết thì bà S không có nợ tiền của chị T nên việc chị T kêu L (L là em của T) kêu chị H đưa tiền cho chị là không đúng nên phải trả lại cho bà S số tiền 500.000.000 đồng này. Chị T nói bà S và ông T còn nợ chị một tỷ đồng là không có. Tôi là người làm việc nhiều năm cùng bà S tôi chưa nghe bà S nói lần nào về việc bà S nợ chị T 2.800.000.000 đồng. Do điều kiện công việc và đi lại khó khăn nên tôi không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Nay tôi viết đơn này xin Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt tôi trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ cấp sơ thẩm đến phúc thẩm (nếu có). Tôi vẫn bảo lưu quan điểm ý kiến đã trình bày nêu trên. Tôi sẽ không khiếu nại về việc vắng mặt của mình, rất mong được sự chấp nhận của quý Tòa, tôi thành thật biết ơn.

Tại các phiên tòa và phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn bảo lưu ý kiến, quan điểm yêu cầu chị T và anh P trả tổng số tiền 900.000.000 đồng. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả số tiền một tỷ đồng.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiến tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc S khởi kiện chị Lý Kim T, anh Tô Bá P về tranh chấp đòi lại tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T, anh P cư trú tại ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (hiện nay là ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau) nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau. Tại phiên tòa ngày 30/3/2022 được mở lại thì đã đến phần đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, tuy nhiên bị đơn lại có yêu cầu giám định sức khỏe của nguyên đơn, ngày 15/4/2022 bị đơn có yêu cầu giới thiệu đi sao chụp hồ sơ bệnh án của nguyên đơn. Tòa án đã thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án. Ngày 18/4/2022 và 20/4/2022

Toà án nhận được giấy đề nghị yêu cầu luật sư Phạm Minh T bảo vệ cho bị đơn và không tham gia giai đoạn xét xử sơ thẩm của luật sư Lê Anh T. Quá trình giải quyết vụ án trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử ông Ngô Minh S có đơn từ chối nhận uỷ quyền, việc ông T không tham gia tiếp, ông T tham gia tiếp bảo vệ cho bị đơn Toà án đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đại diện theo uỷ quyền, người bảo vệ cho đương sự tại phiên toà.

[2] Anh Lý Thanh L, chị Nguyễn Mỹ P, chị Huỳnh Kim H, bà Nguyễn Ngọc U, chị Lý Thanh T vắng mặt, căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên tại phiên toà.

[3] Về nội dung: Vào khoảng cuối năm 2018 việc chị T có nhận giữ tiền và nhận tiền hốt hụi của bà S là thực tế có xảy ra. Căn cứ vào các tài liệu có trong vụ án, cũng như tại các phiên toà đều thể hiện sự việc này. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu chị T và anh P thanh toán số tiền 900 .000.000 đồng. Xét về yêu cầu của nguyên đơn đòi chị T trả số tiền đang giữ 400.000.000 đồng và tiền hụi 500.000.000 đồng. Đối với số tiền 400.000.000 đồng theo yêu cầu của bà S thể hiện: Khi bà S bị bệnh chuyển đi Cà Mau thời điểm này chị T là người trực tiếp quản lý chìa khoá và mở tủ tiền đựng tiền của bà S để đưa cho bà S trị bệnh. Các lời trình bày của chị T, anh L, anh L đều xác định trong tủ tiền có đựng tiền. Chị T, anh L là em ruột của chị T chứng kiến trực tiếp sự việc tuy nhiên không thể xác định chính xác là trong tủ có bao nhiêu tiền nhưng xác định cụ thể là hơn 400.000.000 đồng. Chị T cho rằng đã đưa lại cho bà U số tiền 130.000.000 đồng. Tại các biên bản làm việc của Cơ quan điều tra, của Toà án thì bà U xác định không có nhận số tiền như chị T trình bày đưa cho bà. Chị T, anh L đều xác định là chị T không có đưa cho bà U, chị T cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ cụ thể để xác định vấn đề này. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên toà chị T đều thừa nhận chị là người trực tiếp quản lý chìa khoá, mở tủ lấy tiền, số tiền trong tủ là hơn 400.000.000 đồng và thừa nhận hiện nay chị còn đang quản lý số tiền 300.000.000 đồng và đồng ý trả lại cho bà S.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền 500.000.000 đồng và yêu cầu phản tố của chị T, anh P yêu cầu bà S trả số tiền 1.000.000.000 đồng thể hiện: Bà S có trực tiếp tham gia chơi hụi của chị H. Sau khi hốt hụi thì được số tiền 619.500.000 đồng. Do chị T gây áp lực và theo yêu cầu của chị T (chị T là chị ruột của anh L và cháu

ruột của bà U) thì anh L, bà U đồng ý đưa cho chị T 500.000.000 đồng do chị T nói rằng bà S còn nợ chị 1.500.000.000 đồng, thời điểm lúc này bà S đang bị bệnh và điều trị tại tỉnh Bạc Liêu. Bà U và anh L khi giao tiền có nói là hiện nay bà S đang bị bệnh, chị T không có tiền đóng tiền học cho con và gây áp lực nên đồng ý đưa 500.000.000 đồng và khi nào bà S khoẻ lại thì xác định việc này, nếu bà S không có nợ thì chị T phải trả lại số tiền này cho bà S. Chị T cũng thừa nhận có nhận số tiền 500.000.000 đồng. Chị T và anh P yêu cầu bà S, ông T trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng, anh chị cho rằng trong quá trình xây dựng hăng nước đá và nước lọc không đủ tiền xây dựng và hiện nay còn nợ anh chị. Tuy nhiên đây chỉ là lời trình bày của chị T, anh P mà không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Các lời trình bày của anh L, chị H, anh P và của ông T cũng là các lời trình bày, chưa đủ cơ sở pháp lý. Ông T chỉ nghe nói lại và cũng không có chứng cứ chứng minh cho các lời trình bày của mình. Mặt khác chị T, anh L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đều không thừa nhận việc này. Chị T thừa nhận hiện nay đang giữ số tiền tổng cộng 800.000.000 đồng của bà S, chị không chứng minh được việc có đưa số tiền 130.000.000 đồng cho bà U. Chị T và anh P yêu cầu bà S ông T trả lại 1.000.000.000 đồng do trước đây bà S và ông T là vợ chồng. Hiện nay bà S và ông T đã ly hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên toà ông T trình bày có nghe bà S nói có mượn tiền của chị T nhiều lần tổng cộng còn nợ 1,5 tỷ đồng và đồng ý trả cho chị T với điều kiện ông được phân chia tài sản với bà S. Ông T và bà S hiện nay đã ly hôn, đã phân chia tài sản rõ ràng. Ông cho rằng hiện ông đang yêu cầu giám đốc thẩm nếu được phân chia tài sản với bà S thì ông đồng ý trả cho chị T phần trách nhiệm của ông. Xét thấy lời trình bày của ông là chưa có căn cứ, mặt khác ông chỉ trình bày là có nghe bà S nói, trong khi bà S không thừa nhận việc có thiếu tiền chị T. Ông cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà S có nợ tiền chị T. Chị T, anh P hiện nay là vợ chồng và cùng có yêu cầu phản tố. Pháp luật quy định đương sự có quyền yêu cầu nhưng cũng có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình. Hiện nay chị T, anh P không chứng minh được cho yêu cầu của mình là có cơ sở.

[5] Từ những chứng cứ, nhận định nêu trên xét thấy có đủ cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc S. Buộc bị đơn chị Lý Kim T và anh Tô Bá P có nghĩa vụ trả lại cho bà S tổng số tiền 900.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Lý Kim T và anh Tô Bá P.

Kể từ khi bà S có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T, anh P chậm trả khoản tiền trên cho bà S thì chị T, anh P còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị T, anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn: $36.000.000 + (100.000.000 \times 3\%) = 39.000.000$ đồng. Đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận chị T và anh P phải chịu: $36.000.000$ đồng + $(200.000.000 \text{ đồng} \times 3\%) = 42.000.000$ đồng. Tổng số tiền án phí $81.000.000$ đồng. Chị T và anh P đã dự nộp số tiền $21.000.000$ đồng theo biên lai thu tiền số 0019776 ngày 05/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được đối trừ, còn lại $60.000.000$ chị T và anh P tiếp tục nộp.

Nguyên đơn thuộc trường hợp miễn án phí nên không đề cập xem xét.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lý Thanh T, anh Lý Thanh L, chị Huỳnh Ngọc H, chị Nguyễn Mỹ P, bà Nguyễn Ngọc U tại phiên tòa. Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92; Điều 93; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 105; Điều 164; Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự ; Điều 12, 16 khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc S. Buộc chị Lý Kim T và anh Tô Bá P có nghĩa vụ trả lại số tiền $900.000.000$ đồng (Chín trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Ngọc S.

Kể từ khi bà S có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T, anh P chậm trả khoản tiền trên cho bà S thì chị T, anh P còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Lý Kim T và anh Tô Bá P yêu cầu bà Nguyễn Ngọc S và ông Lý Văn T trả số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

3/ Về án phí: Chị Lý Kim T và anh Tô Bá P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 81.000.000 đồng (Tám mươi một triệu đồng). Chị T và anh P đã dự nộp số tiền 21.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019776 ngày 05/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được đối trừ, còn lại 60.000.000 chị T và anh P tiếp tục nộp. Nguyên đơn thuộc trường hợp miễn án phí nên không đề cập xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tỷ

